

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Nhung.
- Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố Q, phường H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Khu phố HB, phường H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu phố Q, phường H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Khu phố H1, phường LH, thị xã B, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Chị và anh Dương Văn T chung sống với nhau vào khoảng năm 2008, có tìm hiểu trước nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B (nay là phường H, thị xã B), tỉnh Tây Ninh vào ngày 04-11-2013. Ngày làm lễ cưới gia đình anh T có cho 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K

nhưng hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để lo cho con. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà của cha mẹ chồng chị tại: Khu phố Q, phường H, thị xã B sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau về chuyện kinh tế trong gia đình. Anh T không chịu lo làm ăn mà suốt ngày nhậu nhẹt, cờ bạc và về nhà kiếm chuyện mà không lo cho vợ con. Chị đi làm tăng ca nhưng anh T lại ghen tuông vô cớ mà chửi mắng và đánh đập chị. Đầu tháng 5-2024 anh T nghe lời gia đình chồng mà tự ý bán nhà của vợ chồng chị mà không hỏi đến ý kiến của chị. Do không còn nhà để ở nên giữa tháng 5-2024 chị cùng với 02 con phải thuê nhà trọ tại: Khu phố HB, phường H, thị xã B; anh T bỏ về nhà của cha chồng chị tại: Khu phố H1, phường LH, thị xã B sinh sống cho đến nay và vợ chồng chị ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị có gặp mặt nhau vài lần nhưng không thể bàn bạc được việc đoàn tụ gia đình do anh T đã không còn tôn trọng chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng chị đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25-5-2009 và Dương Minh L, sinh ngày 08-5-2011. Hiện 02 cháu đang sống với chị nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (trừ anh T), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25-5-2009 và cháu Dương Minh L, sinh ngày 08-5-2011 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết và về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau vào khoảng năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B (nay là phường H, thị xã B). Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị M có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc anh chị hay xảy ra cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình và anh T không chịu đi làm mà nhậu nhẹt, cờ bạc và không lo cho gia đình. Bên cạnh đó, anh T còn ghen tuông vô cớ và tự ý bán nhà của vợ chồng mình mà không hỏi đến ý kiến của chị M dẫn đến chị M cùng với các con phải thuê nhà trọ tại: Khu phố HB, phường H, thị xã B và anh T phải về ở nhà của cha mình tại: Khu phố H1, phường LH, thị xã B sinh sống từ tháng 5-2024 cho đến nay. Kể từ ngày ly thân cho đến nay chị M và anh T đã có gặp mặt nhau vài lần nhưng không thể bàn bạc được việc đoàn tụ gia đình. Tòa án đã nhiều lần tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh T lại không đến, chứng tỏ anh T đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng mà không có thiện chí muốn được đoàn tụ với chị M. Xét thấy, hôn nhân của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25-5-2009 và Dương Minh L, sinh ngày 08-5-2011. Hiện cháu C và cháu L đang sống với chị M nên chị M yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu.

Xét thấy, kể từ ngày ly thân cho đến nay cháu C, cháu L sống với chị M và 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị M. Vì vậy, để đảm bảo về sự phát triển bình thường và không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của 02 cháu nên Hội đồng xét xử cần giao cháu C và cháu L cho chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm M đối với anh Dương Văn T. Chị M được ly hôn với anh T.

2. Về con chung:

Giao cho chị M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25-5-2009 và cháu Dương Minh L, sinh ngày 08-5-2011. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0015505 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị M đã nộp xong tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CC.THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh